

PHƯƠNG TRỜI CAO RỘNG

Vĩnh Hảo

Chương sáu

Về nghi thức cúng kính mà trong chùa gọi là “ứng phó đạo tràng” hay gọi tắt là nghi lễ, thầy tôi am tường nghi thức của cả Thừa Thiên, Bình Định, Khánh Hòa, chưa kể nghi thức của miền Nam và miền Bắc. Và cũng vì thầy là bậc đồng chơn xuất gia (xuất gia từ thuở bé) có uy tín đạo đức trong chốn thiền môn, nên hầu như các đại lễ có tổ chức trai đàn chuẩn tể (thí thực cô hồn), các chùa đều thỉnh thầy tôi đến làm chủ sám (giới kinh sư thường gọi nôm na vị chủ sám là *thầy cả*).

Là thị giả, tôi được được theo thầy trong khắp các lễ trai đàn chuẩn tể đó. Mệt mỏi lắm, nhưng cũng vui. Có khi thầy về cúng tại các chùa miền quê, tôi theo hầu thầy và có dịp biết thêm về sinh hoạt của các chùa quê cũng như các thầy chuyên môn việc cúng kính mà người ta gọi nôm na (hay có khi có ý chế diễu) là thầy đám, thầy cúng – trong khi thuật ngữ Phật giáo gọi những vị tăng chuyên môn về ứng phó đạo tràng là “kinh sư.” Những thầy ấy có mặt trong đại lễ để phụ giúp thầy tôi trong khoa chuẩn tể (nếu là toàn khoa thì kéo dài từ sáu đến bảy giờ đồng hồ liên tục). Khoa chuẩn tể thường được cử hành sau các đại lễ, nhưng vì là khoa khó nhất, đòi hỏi chuyên môn nhiều nhất, nên những vị kinh sư khác cần có thầy tôi làm chủ sám, mà thầy tôi cũng cần có họ phụ họa mới thành tựu được khoa nghi. Ở viện cũng có một ban kinh sư giỏi khoa chuẩn tể với nghi thức Bình Định, nhưng vì các lễ đám như vậy thường kéo dài hai, ba ngày nên thầy tôi không thể mời ban kinh sư của viện theo được vì ban kinh sư này gồm toàn học tăng, phải bận học ngày đêm, chỉ có thể tham dự được đàn tràng chuẩn tể vào dịp rằm tháng tư hay rằm tháng bảy mà thôi. Những đàn tràng không nhằm vào các dịp đó, thầy tôi phải đi một mình và cùng hành lễ với ban kinh sư ở địa phương nào tổ chức đàn tràng.

Tôi vào chùa mới một, hai tháng, chưa biết gì về các nghi lễ phức tạp, rắc rối, đòi hỏi nhiều thời gian luyện tập như vậy, nhưng có lẽ thầy tôi muốn tôi đi theo để mở rộng tầm mắt. Thầy nói, thầy lỡ biết nhiều về nghi thức ứng phó đạo tràng nên phải khổ nhọc, bận bịu với các đại lễ, không từ chối được. Thầy không nói rõ ra nhưng tôi cũng hiểu mang máng rằng giữa thầy và các thầy đám kia khác nhau xa lắm. Những vị thầy đám tập trung cuộc sống họ vào việc cúng đám, lấy việc cúng kính làm nghề. Nhưng thầy tôi không bao giờ tỏ ý khinh miệt hay coi thường họ. Thầy tiếp xúc, trò chuyện, hỏi han đời sống, công việc của họ một cách vui vẻ, hài hòa. Sau mỗi khóa tụng, thầy cùng họ ngồi bàn và chia cắt vai trò của mỗi người trong khóa lễ sắp tới. Mỗi bữa ăn, thầy và họ ngồi chung mâm, hòa hợp, bình đẳng. Chỉ có buổi tối là thầy được thỉnh vào nghỉ riêng ở phương trượng (phòng của vị trụ trì), còn họ cũng như vị trụ trì thì ngủ chung trên một cái sạp lớn dựng tạm bên hông chùa. Tôi cũng leo lên sạp mà ngủ chung với họ trong một cái mùng lớn đủ cho mười mấy người nằm. Tôi là con nít nên chỉ biết im lặng, nghe họ trò chuyện với nhau. Có nhiều câu chuyện họ dùng những tiếng lóng hay ẩn ngữ nên tôi chẳng hiểu họ nói gì. Có lúc tôi thoáng nghĩ, cuộc sống của họ vui vẻ hồn nhiên, dường như suốt đời chẳng có đại sự để theo đuổi. Công việc của họ hàng ngày là đi cúng. Thỉnh thoảng có đại lễ thì tập trung lại để cùng phô diễn nghệ thuật cúng kính của mình. Đàn tràng chuẩn tể giống như một cái sân khấu. Họ là những người nghệ sĩ trình diễn nghệ thuật. Sau khi trình diễn, những nghệ sĩ này nằm lăn trên sạp gỗ mà ngủ qua đêm để ngày hôm sau trình diễn tiếp. Họ nằm xuống nói chuyện bằng qơ một lúc là ngủ ngon, không có vấn đề gì để phải thao thức, bận tâm. Nhưng cung cách trình diễn nghệ thuật của họ (tức là việc phúng tụng kinh chú) không phải là điều đơn giản, tầm thường như người ta nghĩ.

Ngoài thế tục, không phải ai cũng có thể trở thành ca sĩ, nhạc sĩ được. Trước hết phải có năng khiếu, kể đó là phải có sự học hỏi nghiên cứu để phát triển năng khiếu ấy và sau cùng, quan trọng nhất là phải có thời gian luyện tập để thành tựu trọn vẹn được tài năng bẩm sinh của mình. Trên sân khấu, người có giọng hay thì hát giọng chính, người kém hay hơn thì hát phụ, hát bè. Ở phía cải lương, hát bội thì có kép chính, kép phụ. Nhưng ở một đàn tràng nghi lễ Phật giáo thì có hơi khác một chút. Dĩ nhiên trong ban kinh sư của một đại lễ, người ta cũng tuyển chọn, cung thỉnh những vị tăng có giọng hay nhất thì làm kép chính. Kép chính là vị tăng có đức, được tất cả các kinh sư nể mặt và chịu núp mình làm người phụ họa. Nhưng vị tăng có đức ấy cũng phải biết tất cả những lễ nghi, cũng như phải có giọng thì mới thực sự thu phục được ban kinh sư. Thầy tôi đi đâu cũng đóng vai kép chính

là do lẽ đó. Nhưng ở đây, tôi chỉ muốn nói về cung cách phụng tụng, hay trình diễn nghệ thuật Phật giáo của các vị kinh sư mà người ta gọi là *thầy đám* nói trên.

Âm nhạc Phật giáo Việt Nam quả là một công trình sáng tác công phu được kết tinh từ nhiều thế hệ tăng sĩ tài ba có năng khiếu âm nhạc lẫn nội lực tu tập. Chỗ nổi bật của nền âm nhạc này là những nhạc công tăng sĩ chỉ cần sử dụng những nhạc khí đơn giản (mà bây giờ người ta thấy có vẻ lạc hậu) nhưng trong sự phối hợp tinh luyện và hòa hợp các âm thanh trầm bổng của *thanh nhạc* (giọng người) và *khí nhạc* (tiếng nhạc cụ) họ có thể trình tấu những bản giao hưởng đặc dị, siêu thoát mà thế gian không thể có được. Nghi thức trai đàn chẩn tế tập trung tất cả các nhạc điệu của âm nhạc Phật giáo, trong đó có tụng, niệm, bạch, xướng, hô, thỉnh, đọc và tán. Trong điệu tán còn chia ra làm tán rơi, tán xấp, tán trạo, tán dẫn thỉnh, v.v... Rồi trong các điệu tán đó còn chia thành nhiều thể khác nhau tùy theo số chữ, số câu của mỗi bài tán. Rất là phức tạp. Lúc đó tôi chỉ mới biết *tụng* và *niệm*, tức là tụng kinh theo tiếng mõ và đọc thầm hay đọc hơi nhỏ bài Niệm hương. Tuy nhiên, cũng nhờ vào đôi tai của một người chưa biết nhiều về âm nhạc Phật giáo, tôi có thể quan sát và lắng nghe được một cách khách quan những bản hợp tấu đa dạng mà các vị kinh sư đang trình bày.

Thầy tôi ngồi chính giữa, mặt hướng ra đường; sáu vị kinh sư ngồi hai hàng dọc hai bên thầy, mỗi bên ba vị đối mặt nhau. Tôi đứng hầu một bên thầy nên nhìn rất rõ từng vị kinh sư tán tụng theo khoa nghi. Họ phối hợp nhịp nhàng, phân công chặt chẽ mỗi người một nhiệm vụ. Nào linh, nào khánh, nào mõ, nào chuông, nào tang (đầu). Ngoài các nhạc khí trên, còn có trống, chập chĩa, sanh, đàn nhị, đàn cò ở bên ngoài phụ họa thêm. Vậy mà sáu kinh sư đã cùng thầy tôi tán tụng suốt hơn sáu tiếng đồng hồ bằng hơi, bằng miệng, không có máy vi âm, đều giọng tạo nên một bản đại hòa tấu lúc du dương, lúc hùng tráng, khiến tôi say mê lắng hồn vào đó với một cảm giác nhẹ nhàng, khinh khoái, bay bổng mà tâm trí vẫn trong sáng như kẻ vừa được tắm mát chứ không phải u mê quên bẵng thực tại. Thứ âm nhạc này không làm đắm chìm người ta trong ảo giác mê muội; nó cũng không kích động người ta bạo hành, mà cũng không khơi dậy trong họ những ham mê dục lạc. Nó giống như một con thuyền: trôi trên nước mà không ngập nước; hay như một tầng mây: lướt trên trời mà không vướng trời. Người lắng nghe dễ dàng bắt nhịp theo thứ âm thanh vi diệu mà qua đó, lòng họ bỗng dứt bật mọi thôi thúc bon chen và nổi háo hức phóng mình theo tham muốn thế tục; ở đó, chỉ có nỗi vắng lặng, yên tĩnh và khinh an của tự tâm. Phật giáo là con đường giải thoát nên âm nhạc Phật giáo cũng là một phương tiện để giải thoát – nếu người ta hiểu giải thoát đúng như ý nghĩa của nó chứ không phải như là sự lẩn trốn, né tránh thực tại để tìm về một thế giới xa xôi nào trong mộng tưởng, hay trong ảo giác. Rõ ràng không phải ý vị giải thoát đó chỉ được cảm nhận qua ý nghĩa của kinh điển mà các vị kinh sư tụng đọc, nhưng chính nhờ ở cách thể mà âm thanh và tiết điệu của bài kinh được diễn ra. Lúc đó tôi không hiểu gì về Phật giáo mà chỉ biết thưởng thức một cách hồn nhiên, như một đứa trẻ nghe trình diễn một bản nhạc kỳ bí, huyền nhiệm với bao tiết tấu và nhịp điệu phức tạp thì sững sốt, kinh ngạc. Nhưng càng lớn lên, tôi càng nhận thức rằng chỉ có những nghệ sĩ tài ba thực ngộ, có một quá trình tu tập dài trong cửa thiền mới có thể sáng tác được những bài lễ nhạc Phật giáo cao siêu thượng thừa như vậy. Bây giờ, các vị kinh sư ở chùa quê mà người ta gọi là *thầy đám* đó đã diễn tấu những bài kinh với tất cả tâm tư, kỹ thuật và tài năng của họ. Tôi thấy rõ các vị ấy lắng mình trọn vẹn vào từng câu kinh, từ đầu khóa đến cuối khóa. Khi bước vào khóa lễ là họ không còn vướng bận gì khác ở bên ngoài. (Như vậy, làm sao có thể nói rằng những người chuyên môn về ứng phó đạo tràng thì không thực hành thiền định? Vì thiền định là gì nếu không phải sự lắng tâm, gạn lọc tất cả những ô nhiễm của nội giới lẫn ngoại giới để nắm bắt được thực tại trọn vẹn ngay trong phút giây hiện tại này? Và làm sao có thể coi thường, khinh miệt những kẻ gọi là *thầy đám* kia?)

Theo thầy nhiều khoa trai đàn chẩn tế như vậy thì dù chưa học gì về nghi thức tán tụng, tôi cũng nghe quen được hơi giọng lên xuống của người tụng cũng như các nhịp phách trường canh hay nhịp chõi của các nhạc khí. Nhờ đó mà sau này, khi có dịp học về nghi lễ, tôi học rất nhanh, chỉ nghe qua là có thể lặp lại chính xác được. Nhưng mỗi người hiện diện trên đời hình như đều có một lối đi vạch sẵn cho mình. Mà con đường của tôi lúc ở thế tục đã không theo chân vài anh chị để đi vào ngành ca hát văn nghệ thì nay trong cửa thiền, bước chân của tôi cũng không mò mẫm theo con đường lễ nhạc ứng phó đạo tràng nói trên, dù rằng tôi có say mê và nhiều thầy cho rằng tôi có khiếu. Thầy tôi cũng không khuyến khích tôi học hay tập luyện về nghi lễ để rồi sau này sẽ bận bịu như thầy, không có thì giờ nghiên cứu kinh điển và các môn học khác. Nhưng có một hôm, nhân lúc nói về nghi lễ, thầy dạy tôi rằng: "Trong đạo Phật, hay ở đời cũng vậy, cái gì cũng có nguyên lý và phép tắc riêng của nó. Nguyên lý phải học, phép tắc phải tập. Học tập cho thông thì mới đạt đến chỗ tột cùng của nó; không thông được thì vướng víu mãi, không rời nó được. Giới luật cũng vậy thôi, kẻ nào không giữ gìn giới luật thì không thể giải thoát; nhưng giữ mãi không rời thì cũng không giải thoát." Nghe thầy dạy như vậy, tôi chỉ hiểu mập mờ. Dù gì thì giữ giới cho tinh mật cũng là việc trước mắt, nên tôi không cần phải thắc mắc gì nhiều.

Ngày nọ, thầy giao chìa khóa phòng thầy cho tôi, nói rằng thầy cùng ban kinh sư của viện đi

hành lễ ở Diên Khánh, hôm sau mới về. Nhiều ngày hầu hạ thầy không biết mệt mỏi mà tự đứng đêm đó vắng thầy, tôi lại thấy trong lòng thoải mái vô cùng. Tôi thấy tôi được tự do, không ai kèm kẹp, nhất là có phòng riêng của thầy tạm thời làm phòng của mình một ngày một đêm. Buổi chiều, tôi ngồi trong phòng thầy học kinh và đọc sách, thích thú có được những giờ phút riêng tư. Buổi tối tôi mới kêu Sáng vào vì Sáng ngủ chung với tôi dưới nền đất phòng thầy lâu nay. Bỗng đứng lúc ấy với không khí tự do không bị ràng buộc gò bó bởi thầy, tôi nảy ý làm một điều gì đặc biệt, khác thường. Tôi lục trong tủ búp-phê của thầy, thấy có một thùng mì gói hiệu Lá Bờ Đề chưa kịp đem cho, bèn bảo Sáng xuống bếp lấy hai cái thau, hai đĩa, hai muống và một ít rau để ăn mì. Nước sôi đã có sẵn trong bình thủy của thầy. Sáng hí hửng theo cửa sau của phòng thầy, xuống bếp ngay. Phòng thầy không có bàn ăn, chúng tôi đặt hai cái thau nhựa nhỏ dưới đất, lột bao mì bỏ vào một thau hai gói để ăn cho thỏa. Chế nước sôi vào thau mì xong, chúng tôi lấy đĩa đặt lại cho kín hơi, rồi ngồi chờ năm phút y như bên ngoài gói mì có chỉ dẫn. Đang ngồi sung sướng chờ đợi một bữa mì thịnh soạn, bỗng nghe có tiếng gõ cửa. Tôi và Sáng giật mình, nghĩ chắc thầy quản chúng hay chú tiểu nào muốn tìm chúng tôi có việc gì. Tôi đáp lớn:

“Mô Phật, mở cửa ngay!”

Tôi bảo Sáng đem dẹp hai thau mì trong khi tôi ra mở cửa kéo tiếng gõ nghe gấp lắm. Tôi nghiệp chú Sáng (nhỏ mà bị tôi ăn hiếp) phải bưng hai cái thau đầy mì và nước sôi ra buồng sau. Chú cũng nghĩ như tôi rằng nếu ai đó chỉ gõ cửa để tìm thầy tôi thì không cần phải bưng hai thau mì ra ngoài, mà chỉ cần giấu ở buồng sau là được rồi. Nhưng khi tôi mở cửa ra thì thấy thầy tôi đứng sờ sờ trước mặt. Tôi tái mặt chấp tay bái thầy, mở cửa lưới nhường lối cho thầy bước vào mà trong bụng hoảng hốt, lo sợ chẳng biết chú Sáng nhỏ kia đã dẹp hai thau mì chưa và dẹp tới đâu? Nếu chỉ giấu ở buồng sau thì thậm chí nguy rồi, vì đây là thầy chứ chẳng phải vị tăng nào xa lạ! Thầy bước vào phòng, giao cái đĩa y hệt và áo dài cho tôi đem cất ở buồng sau. Thầy nói:

“Tưởng đâu phải ở lại nhưng thấy còn sớm có thể về được, nên thầy về luôn. Mấy đứa con ngủ hay sao mà thầy gọi lâu mới mở cửa?”

“Dạ tui con đọc sách, tưởng các chú kia chọc phá nên không ra mở.”

Tôi mang áo của thầy xuống buồng, thấy Sáng cũng vừa giấu thau mì thứ hai xuống dưới gầm giường (cùng một chỗ với cái mền xanh trước kia mà tôi giấu!). Sáng le lưới. Tôi nói nhỏ:

“Tìm cách bưng ra ngoài luôn chứ để ở đây bay mùi quá, thầy biết đó!”

Nhưng Sáng chưa kịp hành động gì thì thầy bước xuống hỏi:

“Gì đó?”

Sáng bấy giờ mới chấp tay bái thầy rồi lạnh miệng nói:

“Dạ, con định đi thay nước sôi cho thầy vì nước trong bình thủy gần hết rồi.”

Thầy có vẻ nghi ngờ, nhìn quanh căn buồng một thoáng rồi quay trở lên. Tôi và Sáng thở phào. Tôi đi lấy bình thủy nước sôi ở buồng trước đem ra buồng sau, trong khi Sáng bưng lần lượt từng thau mì ra ngoài, bỏ đại trên bàn ăn của các chú tiểu.

Khi chúng tôi trở lại, thầy đang ngồi nơi bàn, lại tính toán sổ sách chi thu của viện. Vậy là êm chuyện. Nhưng hai thau mì rất ngon, chưa kịp hưởng, không biết sẽ vào bụng ai, hay vẫn còn nằm đó mà nở toét loét tòe loe ra rồi!

Tưởng vậy là xong, nào ngờ ngày mai, khi tôi đang quét dọn thì thầy bước xuống buồng sau, lôi thùng mì gói trong tủ ra, đưa tôi, bảo đem chia cho các chú tiểu cùng ăn. Khi lấy thùng mì ra, hẳn nhiên là thầy phải biết rằng có đứa nào đó khai thùng mì rồi. Thầy không la rầy tôi chuyện đó, nhưng thầy đã ngầm tỏ cho tôi biết là thầy biết chứ chẳng phải không. Dù rằng trước sau gì thầy cũng đem cho thùng mì đó, nhưng khi thầy chưa mang nó ra khỏi tủ và bảo tôi đem ra ngoài thì nó vẫn là sở hữu của thầy. Lấy lén, ăn lén (dù ăn chưa được), cũng là phạm tội cắp rồi. Giới luật chưa tinh nghiêm!

Vậy mà chúng tôi vẫn chưa chịu từ bỏ chuyện “ăn vụng.” Trong trí óc đơn sơ con nít của mình, chúng tôi nghĩ có ăn một miếng nhỏ cũng đâu có sao! Huống chi, đó là những thức ăn mà thầy tôi chưa bao giờ nhìn tới. Chẳng hạn như trong tủ búp-phê ở buồng sau của thầy, có hai lon guigoz đựng đầy mít rong. Mít rong là món rong biển mà người ta đem phơi khô thành từng bánh mỏng như bánh tráng. Rong khô trở thành màu tím, đem nấu canh ăn rất ngon, mát. Ở viện, các dì vải thường đem ram mít rong với dầu, nêm nước tương, bột ngọt, ớt bột. Món ấy ăn với cơm rất tuyệt. Mà ăn không còn tuyệt hơn. Hai lon guigoz mít rong trong tủ không phải của dì vải làm, mà của những Phật tử nào đó dưới phố đem lên cúng. Bụng dạ thầy tôi chắc chắn là không thích hợp với món ram, chiên, có dầu, bột ngọt, ớt như thế. Vì không dùng được, thầy cũng quên không để ý đến. Hai cái lon cứ nằm đó hoài. Một hôm đang dọn dẹp, tôi tò mò mở thử một lon, xem thử gì mà cứ để hoài, choán hết chỗ trong tủ. Phát giác cả hai lon đều là mít rong, món quý giá của người ăn chay, tôi sáng mắt, không kèm được thêm thuồng, bốc một miếng bỏ vào miệng. Ngậm. Phải, món này chỉ ngậm, nhấp nhẹ nhẹ trong lưỡi mới ngon. Mỏng le mỏng lét thì nhai làm gì dính cả răng, vừa mất ngon vừa dễ bị phát hiện! Vừa quét phòng, vừa ngậm một miếng, thú vị làm sao! Nhưng mít rong hết nhanh quá, chưa thỏa

mãn, lại đến bốc thêm miếng nữa. Sáng bước ngang hỏi gì vậy. Tôi đưa cái lon cho chú ấy, nói nhỏ mời mọc:

“Thử một miếng đi.”

“Cái này đó hả? Tui biết rồi,” Sáng nói xong là tay bốc lùm, chẳng có vẻ gì là ngạc nhiên hay có ý muốn nhìn kỹ món hàng được mời cả.

Vậy có nghĩa là “ông Phật con” này đi trước tôi một bước rồi. Nhưng điều đó chẳng quan trọng gì, biết trước biết sau gì cũng thế thôi. Miễn biết điều tương nhượng và chia sẻ với nhau là được rồi. Vậy là sự chia sẻ diễn ra đều đặn hơn. Mỗi ngày hai đứa đều có ngậm mút rong cho vui miệng. Món ấy thật là tiện, không cần vận dụng đến quai hàm hay răng để rồi gây tiếng động chóp chép, rào rạo. Mà càng ngậm càng ghiền. Mới ngậm đó lại muốn ngậm nữa, khó mà ngưng được. Nhưng cứ rút ria mãi mà không chịu bồi thêm thì núi cũng phải lở nói chi hai lon guigoz! Thấy mút rong đã xọp xuống lưng lưng ở cả hai lon, tôi bắt đầu lo, nói với Sáng:

“Chắc mình ngưng là vừa rồi, coi chừng thầy biết đó.”

Sáng gục gặc. Vậy là đình chiến. Nhưng ông Phật con ấy vì tên là Sáng nên có nhiều sáng kiến hay lắm. Ông cầm hai lon guigoz lên, xốc xốc mấy cái rồi đưa ngón tay vào xới xới cho mút rong vun lên. Hai lon lưng trở thành hai lon đầy. Tài thật!

Buổi chiều cùng ngày, thầy gọi tôi vào phòng, bảo đem hai lon mút rong xuống nhà bếp, muốn cho ai thì cho, thầy không dùng. Tôi nắm “toàn quyền sinh sát” trong tay cả hai lon mút, vậy mà lúc ấy tự dưng tôi không còn muốn ăn nữa. Tôi đưa hết cho dì vài.

Hình như sự vụng trộm, mạo hiểm là kích thích tố cho mọi sinh hoạt của con người. Thiếu nó thì sự hân thưởng không còn thú vị nữa.

(còn tiếp - mời đón đọc số tới)